

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVCSPT ngày tháng năm 20  
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Ngành đào tạo: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG  
Mã số: 52340201  
Trình độ đào tạo: Đại học  
Chuyên ngành: TÀI CHÍNH

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung:

##### ***1.1.1. Đối với chuyên ngành hẹp Tài chính doanh nghiệp:***

Cử nhân chuyên ngành Tài chính, chuyên ngành hẹp Tài chính doanh nghiệp cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc.

Cử nhân chuyên ngành Tài chính, chuyên ngành hẹp Tài chính doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về hoạt động tài chính doanh nghiệp trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, khả năng sáng tạo, kỹ năng làm việc trong các Bộ, Ban, Ngành, các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức Tài chính – Tín dụng, các ngân hàng, các viện nghiên cứu và các trường đại học.

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Tài chính, chuyên ngành hẹp Tài chính doanh nghiệp, sinh viên có thể tiếp tục học lên bậc thạc sỹ.

##### ***1.1.2. Đối với chuyên ngành hẹp Tài chính đầu tư:***

Cử nhân chuyên ngành Tài chính, chuyên ngành hẹp Tài chính đầu tư cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương

pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc.

Cử nhân chuyên ngành Tài chính, chuyên ngành hẹp Tài chính đầu tư có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về hoạt động đầu tư tài chính trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, khả năng sáng tạo, kỹ năng làm việc trong các khối, phòng ban về Đầu tư - Tài chính tại các loại hình doanh nghiệp khác nhau trong nền kinh tế và có khả năng trở thành các giám đốc đầu tư tài chính, cố vấn đầu tư tài chính cao cấp tại các doanh nghiệp sau một thời gian công tác tích lũy thêm kiến thức kinh nghiệm và các viện nghiên cứu, trường đại học.

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Tài chính, chuyên ngành hẹp Tài chính đầu tư, sinh viên có thể tiếp tục học lên bậc thạc sỹ.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể**

### ***1.2.1. Về phẩm chất chính trị:***

Có phẩm chất chính trị vững vàng, nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. chỉ đạo của Đảng của Nhà nước và cụ thể hóa trong các chính sách ban hành.

Có phương pháp luận, tư duy khoa học và sáng tạo

### ***1.2.2. Về kiến thức:***

Trang bị cho sinh viên các kiến thức từ kiến thức đại cương đến kiến thức chuyên ngành, bao gồm:

- Kiến thức giáo dục đại cương là nền tảng chung, góp phần xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận để học tập, nghiên cứu và làm việc trọn đời;
- Kiến thức cơ bản về khối ngành kinh doanh và quản lý cho phép sinh viên vận dụng các công cụ phân tích kinh tế và kinh doanh, giải quyết các vấn đề quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp;

- Kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành tài chính – ngân hàng là các kiến thức cốt lõi đặc trưng, liên quan trực tiếp ngành tài chính – ngân hàng, làm nền tảng cho sinh viên tiếp cận các kiến thức chuyên ngành;
- Kiến thức lý thuyết và thực tiễn chuyên ngành sâu trong lĩnh vực Tài chính nói chung, về các kiến thức theo hướng chuyên sâu Tài chính doanh nghiệp hoặc Tài chính đầu tư nói riêng:
  - + Đối với hướng chuyên sâu Tài chính doanh nghiệp: Tập trung vào các kiến thức về quản lý tài chính doanh nghiệp hiện đại, bao gồm các kiến thức và nghiệp vụ về kế toán, quản trị tài chính doanh nghiệp, phân tích tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro tài chính, vv.
  - + Đối với hướng chuyên sâu Tài chính đầu tư: : Tập trung vào các kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, tài chính liên quan đến các hoạt động đầu tư; Có kiến thức rộng về lý luận và thực tiễn của kinh tế thị trường; Có đủ năng lực tham gia phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách, chương trình đầu tư tài chính trên phạm vi nền kinh tế, của ngành và từng địa phương cũng như các doanh nghiệp. Những kiến thức chuyên ngành tập trung nhiều vào khả năng thực hiện các hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư tài chính.

### ***1.2.3. Về kỹ năng:***

Có kỹ năng và nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các mặt hoạt động của lĩnh vực Tài chính; có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế tài chính ở tầm vĩ mô và vi mô, đặc biệt là các nghiệp vụ phân tích tài chính, phân tích đầu tư, thẩm định tín dụng, thẩm định tài chính dự án, nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng bán hàng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc hàng ngày

#### **1.2.4. Về thái độ:**

Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; chấp hành pháp luật Nhà Nước, nội quy, quy chế của đơn vị; có tinh thần cầu thị, lạc quan, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; có thái độ tự tin và quyết đoán trong công việc; biết tôn trọng và học hỏi từ những lời phê bình.

**1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học:** Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1 Về kiến thức**

#### *a. Kiến thức cơ bản*

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.
2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.
3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.
4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.
5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

#### *b. Kiến thức chuyên sâu*

6. Nắm vững các kiến thức chuyên sâu về quản lý tài chính doanh nghiệp hiện đại, bao gồm các kiến thức và nghiệp vụ về kế toán, quản trị tài chính doanh nghiệp, phân tích tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro tài chính,

đầu tư tài chính, thuế trong doanh nghiệp, thuế và hệ thống thuế của Nhà nước, vv.

7. Nắm vững và vận dụng các kỹ năng phân tích báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, kế toán doanh nghiệp.
8. Nắm được và vận dụng các kiến thức căn bản của hoạt động đầu tư, chứng khoán, bảo hiểm.
9. Có kiến thức thực tiễn về Tài chính; tiếp cận và hoàn thành tốt các công việc của ngành tài chính - ngân hàng trong tương lai;
10. Phát hiện, phân tích, đánh giá, tổng hợp và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực tài chính.

## **2.2 Về kỹ năng:**

### *a. Kỹ năng nghề nghiệp*

11. Có kỹ năng về nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các hoạt động tài chính - kế toán tại các loại hình doanh nghiệp trong nước và quốc tế và một số kỹ năng nghiệp vụ quan trọng khác về đầu tư, ngân hàng, tài chính công, tài chính quốc tế, vv.
12. Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị và có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động trong quản trị tài chính doanh nghiệp nói riêng, lĩnh vực tài chính nói chung.
13. Có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, kỹ năng thu thập thông tin dữ liệu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, lập luận, vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức của nhóm ngành tài chính để giải quyết các vấn đề thực tế về kinh tế, tài chính ở tầm vi mô và vĩ mô.

### *b. Kỹ năng mềm*

14. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành,... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.
15. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.
16. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

### **2.3 Năng lực tự chủ về chịu trách nhiệm:**

17. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;
18. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
19. Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.









3	TCTO10	Toán tài chính			x		x												
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>																			
<i>2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc</i>																			
1	TCĐG01	Định giá tài sản			x			x		x									
2	TCKQ01	Kế toán quản trị						x			x					x	x		
3	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính						x								x	x		
4	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư						x								x	x		
5	TCTH11	Thuế				x		x							x				
<i>2.3.2. Chuyên ngành tự chọn</i>																			
1	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán		x		x													
2	ĐTRR06	Quản trị rủi ro		x		x													
3	TCPS34	Thị trường phái sinh						x			x					x	x		
4	TCKT22	Kiểm toán tài chính		x		x													
5	TCQG01	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		x		x													
<b>2.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>																			
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp						x	x						x	x	x	x	x
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp						x	x						x	x	x	x	x







3	TCTO10	Toán tài chính			x		x													
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>																				
<b>2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc</b>																				
1	TCĐG01	Định giá tài sản			x			x		x										
2	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán						x			x					x	x			
3	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính						x								x	x			
4	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư						x								x	x			
5	TCPS34	Thị trường phái sinh				x		x						x						
<b>2.3.2 Chuyên ngành tự chọn</b>																				
1	TCKQ01	Kế toán quản trị		x		x														
2	ĐTRR06	Quản trị rủi ro		x		x														
3	TCTH11	Thuế						x			x					x	x			
4	TCKT22	Kiểm toán tài chính		x		x														
5	TCBH01	Bảo hiểm		x		x														
<b>2.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>																				
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp						x	x					x	x	x	x	x	x	x
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp						x	x					x	x	x	x	x	x	x

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: **132 tín chỉ**

### 4. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

### 6. Cách thức đánh giá (thang điểm)

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

### 7. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: **131 tín chỉ**

Trong đó:

- **Kiến thức giáo dục đại cương** **41 tín chỉ**  
(không bao gồm GD thể chất và GD quốc phòng)
- **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:** **90 tín chỉ**
  - + Kiến thức cơ sở ngành **32 tín chỉ**
    - Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc* **26 tín chỉ**
    - Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn* **6 tín chỉ**
  - + Kiến thức ngành **27 tín chỉ**
    - Kiến thức ngành bắt buộc* **21 tín chỉ**
    - Kiến thức ngành lựa chọn* **6 tín chỉ**
  - + Kiến thức chuyên ngành **21 tín chỉ**
    - Kiến thức chuyên ngành bắt buộc* **15 tín chỉ**
    - Kiến thức chuyên ngành lựa chọn* **6 tín chỉ**
  - + Thực tập và Khoá luận **10 tín chỉ**

### 8. Nội dung chương trình.

## ĐỐI VỚI CHUYÊN NGÀNH HỢP TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

TT	Mã số	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&amp;QP)</b>				
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	0	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	2
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	2
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	1
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	2
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	3
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				
<b>2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc</b>				
1	CSCS11	Chính sách công	3	5
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	7
3	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	3
4	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	2
5	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
6	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	4
7	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
8	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
9	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5
<b>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn</b>				
1	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
2	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	5
3	QTMC02	Marketing căn bản	3	5



4	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	5
<b>2.3. Kiến thức ngành</b>				
<i>2.3.1. Ngành bắt buộc</i>				
1	TCBH01	Bảo hiểm	3	6
2	TCKH04	Kế toán tài chính	3	6
3	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	5
4	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	5
5	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
7	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
<i>2.2.2. Ngành tự chọn</i>				
1	QTCL13	Quản trị chiến lược	3	6
2	TCQT12	Tài chính quốc tế	3	6
3	TCTO10	Toán tài chính	3	6
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				
<i>2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc</i>				
1	TCĐG01	Định giá tài sản	3	7
2	TCKQ01	Kế toán quản trị	3	7
3	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	7
4	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	7
5	TCTH11	Thuế	3	6
<i>2.3.2. Chuyên ngành tự chọn</i>				
1	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3	7
2	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	7
3	ĐTPS01	Chứng khoán phái sinh	3	7
4	TCKT22	Kiểm toán tài chính	3	7
5	TCQG01	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	7
6	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3	7
<b>2.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>				
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8

## ĐỐI VỚI CHUYÊN NGÀNH HỢP TÀI CHÍNH ĐẦU TƯ

TT	Mã số	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&amp;QP)</b>				
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	0	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	2
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	2
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	1
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	2
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	3
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				
<b>2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc</b>				
1	CSCS11	Chính sách công	3	5
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	7
3	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	3
4	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	2
5	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
6	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
7	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
8	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
9	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5
<b>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn</b>				
1	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	5
2	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	5
3	QTMC02	Marketing căn bản	3	5

4	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	5
<b>2.3. Kiến thức ngành</b>				
<i>2.3.1. Ngành bắt buộc</i>				
1	ĐTDM04	Quản lý danh mục đầu tư	3	6
2	TCKH04	Kế toán tài chính	3	6
3	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	5
4	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	5
5	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
7	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
<i>2.3.2. Ngành tự chọn</i>				
1	QTCL13	Quản trị chiến lược	3	6
2	TCQT12	Tài chính quốc tế	3	6
3	TCTO10	Toán tài chính	3	6
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				
<i>2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc</i>				
1	TCĐG01	Định giá tài sản	3	7
2	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3	7
3	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	7
4	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	7
5	ĐTĐPS01	Chứng khoán phái sinh	3	6
<i>2.3.2. Chuyên ngành tự chọn</i>				
1	TCKQ01	Kế toán quản trị	3	7
2	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	7
3	TCTH11	Thuế	3	7
4	TCKT22	Kiểm toán tài chính	3	7
5	TCBH01	Bảo hiểm	3	7
6	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3	7
<b>2.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>				
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8